

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09 - 01 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thạnh;
Ông Dương Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/HNGĐ-ST ngày 26/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: thị trấn Thuận A, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ tạm trú: phường Xuân P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **La Tuấn Thành F**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị N và ông La Tuấn Thành F kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/6/2013.

Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 tuần thì ông Thành F trở về Canada, do điều kiện sống xa nhau nên tình cảm ngày

càng phai nhạt. Nay bà N thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên viết đơn xin ly hôn với ông Thành F để sớm ổn định cuộc sống.

Đối với ông La Tuấn Thành F: Ngày 15/10/2019 ông Thành F có văn bản trả lời cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, qua văn bản ông Thành F đồng ý ly hôn với bà N. Đồng thời do điều kiện ở xa nên ông Thành F đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Văn bản trả lời của ông Thành F đã được Hợp pháp hóa lãnh sự Việt Nam tại Canada.

Về con chung và tài sản chung: Bà N và ông Thành F xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án Tòa án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vấn đề gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà N được ly hôn với ông Thành F. Về các mối quan hệ khác, đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Do điều kiện ở xa, ông La Tuấn Thành F có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đề nghị của ông Thành F phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt ông Thành F.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông La Tuấn Thành F kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/6/2013 là phù hợp pháp luật.

Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì ông Thành F đã trở về Canada. Do điều kiện mỗi người ở mỗi nơi nên tình cảm vợ chồng không còn nên bà N xin ly hôn ông Thành F. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà N vẫn xin được ly hôn với ông Thành F. Đối với ông Thành F đã có văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là đồng ý ly hôn với bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của các bên đương sự, cho bà N được ly hôn với ông Thành F để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là có cơ sở.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Thành F xác định vợ chồng không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông La Tuấn Thành F.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Thành F xác định vợ chồng không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 005559 ngày 25/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông La Tuấn Thành F có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THA tỉnh TT- Huế;
- Các đương sự;
- UBND thành phố H;
- Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường